

## A. Kiến thức cần nhớ

### 1. Quy tắc nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số

Để nhân một số có bốn chữ số với một số có một chữ số, chúng ta thực hiện theo hai bước:

#### • Bước 1: Đặt tính

Viết thừa số thứ nhất (số có bốn chữ số) ở hàng trên. Viết thừa số thứ hai (số có một chữ số) ở hàng dưới, thẳng cột với hàng đơn vị của thừa số thứ nhất. Đặt dấu nhân (x) ở giữa hai số và kẻ gạch ngang thay cho dấu bằng.

#### • Bước 2: Tính

Thực hiện phép nhân lần lượt từ phải sang trái, bắt đầu từ hàng đơn vị. Lấy thừa số thứ hai nhân với từng chữ số của thừa số thứ nhất.

- Nhân với chữ số hàng đơn vị.
- Nhân với chữ số hàng chục.
- Nhân với chữ số hàng trăm.
- Nhân với chữ số hàng nghìn.

### 2. Nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số (Không nhớ)

Đây là trường hợp đơn giản nhất, khi kết quả của mỗi lượt nhân đều là số có một chữ số (nhỏ hơn 10).

**Ví dụ 1:** Tính  $2143 \times 2$

Đặt tính:

$$2143 \times 2 \text{ -----}$$

Thực hiện tính:

- 2 nhân 3 bằng 6, viết 6.
- 2 nhân 4 bằng 8, viết 8.
- 2 nhân 1 bằng 2, viết 2.
- 2 nhân 2 bằng 4, viết 4.

Vậy:  **$2143 \times 2 = 4286$**

**Ví dụ 2:** Tính  $1021 \times 4$

Đặt tính và tính:

$$1021 \times 4 \text{ ----- } 4084$$

- 4 nhân 1 bằng 4, viết 4.
- 4 nhân 2 bằng 8, viết 8.
- 4 nhân 0 bằng 0, viết 0.
- 4 nhân 1 bằng 4, viết 4.

Vậy:  **$1021 \times 4 = 4084$**

### 3. Nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số (Có nhớ)

Khi kết quả của một lượt nhân là số có hai chữ số (lớn hơn hoặc bằng 10), ta cần thực hiện "nhớ" phần chục sang hàng kế tiếp bên trái.

### a. Phép nhân có nhớ một lần

**Ví dụ 1:** Tính  $1246 \times 3$

Đặt tính và tính:

$$1246 \times 3 \text{ ----- } 3738$$

- 3 nhân 6 bằng 18, viết 8, **nhớ 1**.
- 3 nhân 4 bằng 12, thêm 1 (nhớ) bằng 13, viết 3, **nhớ 1**.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 (nhớ) bằng 7, viết 7.
- 3 nhân 1 bằng 3, viết 3.

Vậy:  **$1246 \times 3 = 3738$**

### b. Phép nhân có nhớ nhiều lần

Quy tắc tương tự như trên, chúng ta tiếp tục cộng số nhớ vào kết quả của lượt nhân tiếp theo.

**Ví dụ 2:** Tính  $2538 \times 3$

Đặt tính và tính:

$$2538 \times 3 \text{ ----- } 7614$$

- 3 nhân 8 bằng 24, viết 4, **nhớ 2**.
- 3 nhân 3 bằng 9, thêm 2 (nhớ) bằng 11, viết 1, **nhớ 1**.
- 3 nhân 5 bằng 15, thêm 1 (nhớ) bằng 16, viết 6, **nhớ 1**.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 (nhớ) bằng 7, viết 7.

Vậy:  $2538 \times 3 = 7614$

## B. Các dạng bài tập thường gặp

### Dạng 1: Đặt tính rồi tính

**Phương pháp giải:** Học sinh cần thực hiện đúng hai bước đã học: đặt tính thẳng cột và tính toán cẩn thận từ phải sang trái, lưu ý các lượt nhân có nhớ.

**Ví dụ:** Đặt tính rồi tính

a.  $1825 \times 4$

b.  $2019 \times 5$

**Bài giải:**

a)  $1825$  b)  $2019 \times 4 \times 5$  ----- 7300 10095

### Dạng 2: Giải bài toán có lời văn

**Phương pháp giải:**

1. Đọc kỹ đề bài để xác định thông tin đã cho và yêu cầu của bài toán.
2. Tóm tắt đề bài.
3. Xác định phép tính cần sử dụng. Các bài toán dạng "gấp một số lên nhiều lần" hoặc tính tổng giá trị của nhiều vật giống nhau thường dùng phép nhân.
4. Trình bày bài giải đầy đủ: lời giải, phép tính, và đáp số.

**Ví dụ 1:** Mỗi chuyến bay chở được 1160 hành khách. Hỏi 5 chuyến bay như thế chở được bao nhiêu hành khách?

### **Bài giải:**

Tóm tắt:

1 chuyến bay: 1160 hành khách

5 chuyến bay: ? hành khách

Số hành khách 5 chuyến bay như thế chở được là:

$$1160 \times 5 = 5800 \text{ (hành khách)}$$

**Đáp số:** 5800 hành khách

**Ví dụ 2:** Người ta xếp các gói kẹo vào 4 thùng, mỗi thùng chứa 1580 gói. Hỏi người ta đã xếp tất cả bao nhiêu gói kẹo?

### **Bài giải:**

Số gói kẹo người ta đã xếp là:

$$1580 \times 4 = 6320 \text{ (gói)}$$

**Đáp số:** 6320 gói kẹo

### **Dạng 3: Tìm X (Tìm thành phần chưa biết)**

Trong dạng toán này, X thường là số bị chia.

**Công thức:** Muốn tìm số bị chia, ta lấy thương nhân với số chia. ( $X : a = b$  thì  $X = b \times a$ )

**Ví dụ 1:** Tìm X, biết:  $X : 3 = 1524$

### **Bài giải:**

$$X : 3 = 1524$$

$$X = 1524 \times 3$$

$$X = 4572$$

**Ví dụ 2:** Tìm X, biết:  $X : 6 = 1055$

**Bài giải:**

$$X : 6 = 1055$$

$$X = 1055 \times 6$$

$$X = 6330$$

#### **Dạng 4: Tính giá trị của biểu thức**

**Phương pháp giải:** Áp dụng quy tắc thứ tự thực hiện phép tính: trong biểu thức có cả phép nhân và phép cộng/trừ, ta thực hiện phép nhân trước, rồi thực hiện phép cộng/trừ sau.

**Ví dụ 1:** Tính giá trị biểu thức:  $1420 \times 5 - 3500$

**Bài giải:**

$$1420 \times 5 - 3500$$

$$= 7100 - 3500$$

$$= 3600$$

**Ví dụ 2:** Tính giá trị biểu thức:  $5000 + 2170 \times 2$

**Bài giải:**

$$5000 + 2170 \times 2$$

$$= 5000 + 4340$$

$$= 9340$$

## C. Bài tập tự luyện

### 1. Đặt tính rồi tính:

a)  $2310 \times 3$

b)  $1408 \times 6$

c)  $1719 \times 4$

### 2. Tìm X:

a)  $X : 7 = 1035$

b)  $X : 5 = 1346$

### 3. Tính giá trị biểu thức:

a)  $9000 - 1250 \times 5$

b)  $1092 \times 4 + 3718$

### 4. Giải bài toán: Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng 1075m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chiều dài của khu vườn đó.

## Đáp án

1. a) 6930

b) 8448

c) 6876

2. a)  $X = 7245$

b)  $X = 6730$

3. a) 2750

b) 8086

4. Chiều dài của khu vườn là:  $1075 \times 3 = 3225$  (m). Đáp số: 3225m.

VIDOCU.COM